

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thu Vân

Bà Nguyễn Hà Quế Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông La Minh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh **Lê Đức H**, sinh năm 1985; Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ thường trú: Tổ A, khu phố B, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: W, St. C, Ontario, Canada.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 175, quyển số I/2010, ngày 21/7/2010, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống đến tháng 02/2019 thì phát sinh tranh cãi, sống ly thân và anh H xuất cảnh sang Canada, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung là cháu Lê Nhật N, sinh ngày 29/7/2011. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Lê Nhật N cho chị là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có lời khai.*

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị H và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp do anh chị tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn năm 2010 nên được pháp luật thừa nhận bảo vệ.

Theo chị H trình bày, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 175 ngày 21/7/2010. Vợ chồng chung sống hòa thuận và có một con chung tên Lê Nhật N (sinh ngày 29/7/2011), đến tháng 2/2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên hai vợ chồng sống ly thân, sau đó anh H xuất cảnh đi nước ngoài và hiện đang tạm trú tại Canada, từ đó đến nay không thấy quay về nữa. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không đạt được và tình cảm vợ chồng không còn nên chị H làm đơn xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thực hiện việc niêm yết công khai thông báo cho anh H biết vụ kiện ly hôn giữa anh và chị H nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời của anh H, điều đó cho thấy anh H không còn muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng này, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở.

+ Về quan hệ con chung: Có một con chung tên Lê Nhật N (sinh ngày 29/7/2011). Chị H có nguyện vọng được nuôi cháu N và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng.

Ngày 17/9/2021, Tòa án đã có Biên bản xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa anh H và chị H tại địa phương, cụ thể thì ông Vũ Thái S - Tổ trưởng dân phố nơi chị H sinh sống đã xác nhận việc hai vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 là đúng, anh H sau đó xuất cảnh ra nước ngoài không thấy quay về, còn cháu Lê Nhật N được chị H nuôi dưỡng từ đó đến nay và hiện chị H có công việc ổn định đủ đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi con.

Đối với cháu Lê Nhật N sinh năm 2011, đến thời điểm xét xử sơ thẩm đã 10 tuổi nên theo quy định tại Điều 81 Luật HNGĐ thì việc giao con cho ai trực

tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên. Tại bản tự khai ngày 05/01/2021 của cháu N (BL 24), thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Căn cứ nguyện vọng của cháu N cùng với việc xác minh quan hệ vợ chồng và điều kiện công việc của chị H thì chấp nhận yêu cầu của chị H về việc nuôi dưỡng cháu Lê Nhật N, tạm thời không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Từ nhận định trên, căn cứ các Điều 56, 122 và 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị H khởi kiện xin ly hôn anh H, anh H đang sinh sống tại Canada nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia Đình năm 2014.

[1.2] Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng trên Cổng thông tin điện tử Đại sứ quán Việt Nam tại Canada nhưng đến nay không có tin tức nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của chị H:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 175, quyển số I/2010, ngày 21/7/2010, là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H trình bày, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Theo biên bản xác minh ngày 17/9/2021, thì Tổ trưởng dân phố nơi chị H sinh sống đã xác nhận việc hai vợ chồng chị H và anh H có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 là đúng. Trong quá trình Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thực hiện việc niêm yết công khai thông báo cho anh H biết vụ kiện ly hôn giữa anh và chị H nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời của anh H, điều đó cho thấy anh H không còn muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng này. Do vậy, dù cơ sở xác định hôn nhân giữa chị H và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và

Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho ly hôn giữa chị H và anh H.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Nhật N, sinh ngày 29/7/2011. Khi ly hôn thì chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Theo biên bản xác minh ngày 17/9/2021, Tổ trưởng dân phố nơi chị H sinh sống đã xác nhận cháu N được chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có công việc ổn định. Tại bản tự khai ngày 05/01/2021 của cháu N, thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Do vậy, nhằm bảo đảm cho cháu N ổn định cuộc sống, có điều kiện phát triển tốt nhất về mọi mặt nên giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do không trực tiếp nuôi con nên anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết chị H, anh H được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì quyền lợi của con chung chị H có quyền yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 83 và Điều 129 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu xem xét nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Hoài đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 147, 227, 228, 238, 464, 469, 470, 474, 476 và 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 và 129 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Lê Đức H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Đức H.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ký ngày 21/7/2010, vào sổ đăng ký kết hôn số 175, quyển số I/2010 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cháu Lê Nhật N, sinh ngày 29/7/2011 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời anh Lê Đức H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết chị H, anh H có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002454 ngày 18/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Chị Nguyễn Thị Thu H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm ngày) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Anh Lê Đức H được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Hưng